

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 20 - 01 - 2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vũ Bằng.

Bà Nguyễn Huỳnh Hường.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2022 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Huỳnh Khải T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Hoàng Viết H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 210, B, phường 8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2022 và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 12/01/2022 của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2020 chị T và anh H được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 02/01/2020 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/2020). Thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị T xác định anh H ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm, nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại, nay chị T xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nữa.

Chị T yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải giữa chị T và anh H. Chị T yêu cầu Tòa án xem xét cho chị T được ly hôn với anh H. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do điều kiện công việc, nên chị T đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

- Tại văn bản ý kiến lựa chọn Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn để giải quyết vụ án ngày 30/12/2021 và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 30/12/2021 của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Lời trình bày của anh H về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung đều đúng như lời trình bày của chị T. Nguyên nhân mâu thuẫn anh H xác định do quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do điều kiện nơi cư trú của 02 vợ chồng khác nhau, nên anh H tự nguyện chọn Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau để giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị T.

Anh H yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Anh H đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn. Nguyên đơn cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, bị đơn cư trú tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và nguyên đơn, bị đơn thống nhất chọn Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (là Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn), nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, đồng thời phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng chị T và anh H không làm được điều đó, mà lại làm cho mối quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và hiện nay chị T và anh H đều cương quyết ly hôn, do đó xác định chị T và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/2020 ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh H đều xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Huỳnh Khải T.

- Về hôn nhân: Cho chị Lê Huỳnh Khải T ly hôn với anh Hoàng Viêt H.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/2020 ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004281 ngày 10/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND phường 8, TP V;
- UBND thị trấn S;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải